

NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH BỆNH TAI MŨI HỌNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRÀ VINH NĂM 2017

Nguyễn Tuyết Xương*, Phạm Thế Hiền**

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: - Xác định các đặc điểm của bệnh TMH tại BVĐK TRÀ VINH. - Xác định tỉ lệ từng loại bệnh TMH theo phân loại ICD 10, tỉ lệ các nhóm bệnh TMH và một số mối tương quan của chúng tại BVĐK Trà Vinh. **Phương pháp nghiên cứu:** Hồi cứu mô tả cắt ngang. Đối tượng nghiên cứu là tất cả các bệnh nhân được chẩn đoán có bệnh TMH (kể cả các bệnh nhân nhập viện, bệnh nhân được kê đơn và bệnh nhân chuyển tuyến trên điều trị) tại khoa TMH và phòng khám TMH BVĐK TRÀ VINH từ 1/1/2017 đến hết ngày 30/12/2017. Xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 15.0. **Kết luận:** Đặc điểm bệnh TMH: dân tộc Khơme chiếm 63.8%, chủ yếu gặp ở lứa tuổi 16-60. Tỉ lệ bệnh TMH tại Bệnh viện: Các bệnh Mũi xoang: 46.7%, trong đó bệnh viêm mũi họng cấp có tỉ lệ số BN cao nhất 19.6%, kế đến là bệnh viêm xoang mạn 7.0%. Các bệnh Họng thanh quản: 40.0%, trong đó bệnh viêm họng cấp có tỉ lệ số BN cao nhất 14.4%. Các bệnh bệnh Tai: 9.0%, trong đó bệnh viêm tai giữa nung mủ và không đặc hiệu có tỉ lệ số BN cao nhất 2.4%.

Từ khóa: cơ cấu bệnh TMH, Bệnh viện TRÀ VINH

SUMMARY

TO STUDY THE DISEASE STRUCTURE OF EAR, NOSE AND THROAT OF TRA VINH

*Bệnh viện Nhi Trung Ương

**Bệnh viện Lê Lợi

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Tuyết Xương

Email: nguyentuoxuong@yahoo.com

Ngày nhận bài: 7.01.2020

Ngày phản biện khoa học: 26.2.2020

Ngày duyệt bài: 6.3.2020

HOSPITAL IN THE YEAR 2017

Objectives: The purpose of this study is to determine: - The characteristics of otorhinolaryngological diseases. -The prevalence of otorhinolaryngological diseases according to ICD 10 classification, the rate of groups of ENT diseases and some of their relationships. **Materials and Methods:** This is a retrospective cross – sectional research. **Object of study:** all patients were diagnosed with ENT disease (including patients admitted to the hospital and the patient was prescribed treatment and referral of patients) at the Department of ENT and ENT clinics Tra Vinh hospital from 1/1/2017 to 12/30/2017. To analyse and process data by SPSS 15.0. **Conclusion:** - Characteristics of otorhinolaryngological diseases: Kinh people accounted for 79%, common age is 16-60. - The prevalence of otorhinolaryngological diseases: The rhinosinus diseases: 46.7% (acute nasopharyngitis: 19.6%; Chronic sinusitis: 7.0%); The laryngeal diseases: 40.0% (acute pharyngitis have the highest proportion of patients 14.4%); The Ear diseases: 9.0% (including purulent otitis media and nonspecific have the highest rate of 2.4% of patients).

Key word: disease structure of Ear, Nose and Throat, Tra Vinh hospital.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, tốc độ phát triển công nghiệp đang diễn ra rất nhanh ở Việt Nam và trên thế giới. Từ đó đã kéo theo một loạt những biến đổi khác như tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, sự phát triển của các loại phương tiện cơ giới cũng như các loại hóa chất phục vụ cho sản xuất và đời sống ngày càng phong phú. Vì vậy, sự biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường tất yếu sẽ xảy ra

làm ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người, trong đó bệnh lý của cơ quan tai mũi họng chiếm một vị trí quan trọng và diễn biến phức tạp, gây ra nhiều biến chứng nặng nề cho bản thân người bệnh cũng như sự chẩn đoán và điều trị của thầy thuốc. Tại Bệnh viện đa khoa Trà Vinh có khoa TMH với 20 giường và phòng khám khá đầy đủ trang thiết bị chuyên khoa, hàng năm đã điều trị ngoại, nội trú cho từ 9 đến 13 ngàn bệnh nhân (BN), tuy nhiên chưa có nghiên cứu cụ thể nào về cơ cấu bệnh TMH. Việc xác định được mô hình bệnh tật, dự báo bệnh tật cũng như quản lý tốt bệnh TMH trên địa bàn là việc làm có ý nghĩa lớn giúp chúng ta nắm được tình hình bệnh tật, để từ đó cùng với các cơ quan ban ngành địa phương có kế hoạch giáo dục sức khỏe cho cộng đồng, giúp phòng ngừa và điều trị tốt các bệnh TMH nhằm tránh mắc bệnh và các biến chứng nguy hiểm, góp phần vào công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên chúng tôi tiến hành đề tài: "Nghiên cứu cơ cấu bệnh tai mũi họng tại BVĐK Trà Vinh năm 2017" nhằm mục tiêu nghiên cứu sau:

1. Xác định các đặc điểm của bệnh TMH tại BVĐK Trà Vinh.
2. Xác định tỉ lệ từng loại bệnh TMH theo phân loại ICD 10, tỉ lệ các nhóm bệnh TMH và một số mối tương quan của chúng tại BVĐK Trà Vinh.
3. Xác định tình hình điều trị bệnh TMH tại BVĐK Trà Vinh.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Bệnh nhân tới khám tại phòng khám và khoa TMH, thuộc BVĐK TRÀ VINH và được chẩn đoán có bệnh lý TMH (Kể cả các bệnh nhân ĐT nội trú, ĐT ngoại trú và ĐT vượt tuyến), trong năm 2017.

2.2. Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 10 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2017.

2.3. Địa điểm nghiên cứu: tại BVĐK Trà Vinh (TP Trà Vinh).

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Thiết kế nghiên cứu: Hồi cứu mô tả cắt ngang.

2.4.2. Tiêu chuẩn chọn mẫu:

- Danh sách bệnh nhân khám chữa bệnh lưu trữ trong phần mềm khám bệnh của phòng khám và khoa TMH đạt các tiêu chí sau:

Bảng 1: Tỉ lệ bệnh TMH

Nhóm bệnh	Tên bệnh	Mã ICD10	Số BN	Tỉ lệ (%)
Tai	Viêm tai ngoài	H60	209	1.7
	Viêm tai giữa không nang mủ	H65	362	2.9

- Những danh sách bệnh nhân có chẩn đoán bệnh lý TMH (Kể cả các bệnh nhân nhập viện, bệnh nhân được kê đơn và bệnh nhân chuyển tuyến trên điều trị) tại khoa TMH và phòng khám TMH BVĐK Trà Vinh.

- Được khám, kê đơn hoặc nhập viện điều trị trong thời gian từ 1/1/2017 đến hết ngày 30/12/2017.

- Nếu trên cùng bệnh nhân có nhiều bệnh thuộc TMH lấy chẩn đoán bệnh chính

- Nếu có kèm bệnh lý khoa khác chọn bệnh lý TMH

2.4.3. Tiêu chuẩn loại trừ

- Không thuộc diện nghiên cứu đối với những trường hợp khám sức khỏe.

- Danh sách BN không đầy đủ thông tin giúp cho việc nghiên cứu.

2.4.4. Phương pháp nghiên cứu

- Hồi cứu qua danh sách khám chữa bệnh được lưu trữ trong phần mềm khám bệnh trên máy vi tính của phòng khám, và của khoa TMH BVĐK TRÀ VINH, qua đó thu thập những biến số cần nghiên cứu như:

- Biến số về tỉ lệ từng bệnh cụ thể được phân loại theo bảng phân loại bệnh Quốc tế ICD 10.

- Biến số về nhóm bệnh: Được chia thành 5 nhóm bệnh sau: nhóm bệnh về tai, nhóm bệnh về mũi xoang, nhóm bệnh về họng thanh quản, nhóm bệnh về chấn thương TMH và nhóm bệnh khác của TMH.

- Biến số về tuổi: Được chia thành các nhóm như sau: nhóm < 5 tuổi, nhóm 6-15 tuổi, nhóm 16-60 tuổi và nhóm > 60 tuổi

- Biến số về thành phần dân tộc: Gồm DT Kinh, DT Khơme và DT khác.

- Biến số về nghề nghiệp: Được chia thành 7 nghề nghiệp sau: nhỏ (Chưa có nghề nghiệp), làm nông, công nhân, viên chức, học sinh-Sinh viên, già và nghề khác.

2.5. Xử lý số liệu: Xử lý số liệu thu thập được bằng phần SPSS 15.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong năm 2017 tại phòng khám TMH BVĐK Trà Vinh có tất cả 12480 lượt bệnh nhân tới khám bệnh, thống kê số liệu được thể hiện như sau:

3.1. Tỉ lệ bệnh TMH theo phân loại Quốc tế ICD 10.

	Viêm tai giữa nang mủ và không đặc hiệu	H66	298	2.4
	Viêm tai giữa tiết nhầy mạn	H65.3	152	1.2
	Thủng màng nhĩ	H72	21	0.2
	RL chức năng tiền đình	H81	60	0.5
	Nút ráy tai	H61.2	25	0.2
	Viêm xương chũm và tình trạng liên quan	H70	16	0.1
Mũi Xoang	Viêm mũi họng cấp (Cảm thường)	J00	2447	19.6
	Viêm mũi, viêm mũi họng.	J31	833	6.7
	Viêm mũi do vận mạch và dị ứng	J30	128	1.0
	Chảy máu cam	R04.0	477	3.8
	Lệch vách mũi	J34.2	23	0.2
	Polyp mũi	J33	104	0.8
	Viêm xoang cấp	J01	606	4.9
	Viêm xoang mạn	J32	879	7.0
	U nang và u nhầy của xoang mũi	J34.1	186	1.5
	Vật lạ trong mũi, trong TQ (Dị vật đường ăn, đường thở)	T17.0	145	1.2
Họng-TQ	Viêm họng cấp	J02	1793	14.4
	Viêm họng mạn	J31.2	1650	13.2
	Viêm Amidan cấp	J03	1257	10.1
	Abces quanh Amidan	J36	20	0.2
	Viêm TQ và KQ cấp	J04	62	0.5
	Viêm TQ và viêm thanh khí quản mạn	J37	38	0.3
	Viêm tuyến nước bọt	K11.2	40	0.3
	Nốt nhỏ dây thanh âm	J38.2	41	0.3
	Bướu ác của hầu và miệng	C10	14	0.1
	Viêm họng thanh quản cấp	J36.0	55	0.4
	Bệnh mạn tính của Amidan và sỏi dạng tuyến	J35	22	0.2
Chấn thương TMH	Vỡ xương sọ và xương mặt	S02	162	1.3
	Vỡ xương mũi	S02.2	80	0.6
	Vết thương TMH hở (vết thương TQ, KQ, ống tai...)	J01.2	32	0.3
Bệnh TMH khác	Bệnh khác của tai (Tai ngoài, tai trong)	H61	143	1.1
	Bệnh khác của mũi và xoang mũi (Gai VN, veo VN..)	J34	34	0.3
	Bệnh khác của họng (Viêm VA, nang giáp móng...)	J39.2	86	0.7
Tổng			12480	100

Nhận xét: có 3 bệnh thường gặp nhất với số lượng chiếm hơn 1 ngàn lượt khám, điều trị/năm đứng đầu là viêm mũi họng cấp (Cảm thường) 19.6 %, kế đến là bệnh Viêm họng cấp 16,5% và thứ ba là viêm Amidan 6.9 %. Có ba bệnh ít gặp nhất đó là: Viêm xương chũm và tình trạng liên quan 0,1%, bướu ác của hầu và miệng 0.1 %, abces quanh Amidan 0,2%.

3.2. Tỷ lệ bệnh TMH phân theo nhóm bệnh.

Bảng 2: tỷ lệ bệnh TMH phân theo nhóm.

Nhóm bệnh	Số lượng BN	Tỷ lệ (%)
Tai	1123	9.0
Mũi xoang	5828	46.7
Họng thanh quản	4992	40.0
Chấn thương TMH	274	2.2
Bệnh khác của TMH	263	2.1
Tổng	12480	100

Nhận xét: Bảng 3.2 cho thấy trong 5 nhóm bệnh thì nhóm mũi xoang là thường gặp nhất có 5828 BN chiếm 46.7% tổng số bệnh, kế đến là nhóm họng-TQ, nhóm tai, nhóm bệnh khác của

TMH và cuối cùng là nhóm chấn thương TMH ít gặp nhất 263 BN chiếm 2.1% tổng số bệnh.

3.3. Tỷ lệ bệnh TMH phân bố theo độ tuổi.

Phân Bố Theo Độ Tuổi	Số BN	Tỷ Lệ (%)
Nhỏ hơn 5 tuổi	2595	20.8
Từ 6 – 15 tuổi	2134	17,1
Từ 16 – 60 tuổi	6190	49.6
Lớn hơn 60 tuổi	1561	12.5

Nhận xét: Bảng 3.3 cho thấy bệnh TMH tập trung nhiều ở độ tuổi từ 16-60 tuổi có tới BN chiếm 49,6%, kế đến là nhóm <6 tuổi có BN chiếm 20,8%. Nhóm tuổi ít mắc bệnh nhất là nhóm >60 tuổi có BN chiếm 12,5%.

3.4. Tỷ lệ bệnh TMH phân bố theo thành phần dân tộc:

Bảng 3: Tỷ lệ bệnh phân bố theo thành phần dân tộc.

Thành phần dân tộc	Số BN	(%) theo bệnh
DT Khơme	7962	63.8
DT Kinh	4268	34.2
DT khác	250	2.0
Tổng	12480	100.0

Nhận xét: Bảng 3.4 cho thấy bệnh TMH tập trung nhiều nhất ở người Khơme có 7962 BN chiếm 63.8%, kế đến là DT Kinh 4268 BN chiếm 34,2% và DT khác có số lượng BN thấp nhất 250 BN chiếm 2.0%

3.5. Tỷ lệ bệnh phân bố theo nghề nghiệp:

Bảng 4: Tỷ lệ bệnh TMH phân bố theo nghề nghiệp.

Nghề nghiệp	Số lượng BN	Tỉ lệ(%)
Nhỏ (chưa có NN)	2930	23.5
Làm Nông	4502	36.1
Công nhân	2456	19.7
Viên chức	950	7.6
Hs - Sv	1055	8.5
Già	794	6.4
Nghề khác	207	1.7
Tổng	12480	100.0

Nhận xét: Qua 7 nghề nghiệp ở bảng 3.7 cho thấy: nghề làm nông là nghề có số lượng BN đông nhất 4502 BN (36.1%), đối tượng nhỏ (chưa có nghề nghiệp) cao thứ hai 2930 BN (23.5%), Công Nhân có số lượng BN đứng thứ ba 2456 BN (19,7%), kế đến là HS-SV 1055 BN (8.5%), đối tượng viên chức có 950 BN (7.6%), Người Già 794 BN (6.4%), cuối cùng là đối tượng nghề khác có tỉ lệ mắc thấp nhất 207 BN (1.7%).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Bàn luận về tình hình chung: Qua nghiên cứu tổng số 12480 lượt BN tới khám và điều trị bệnh TMH tại BVĐK TRÀ VINH năm 2017 chúng tôi nhận thấy rằng: Bệnh TMH thường gặp nhất là bệnh về mũi xoang có tới 5828 lượt BN tới khám chiếm 46.7% trong tổng số bệnh.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp với nghiên cứu của tác giả Phùng Minh Lương "Tìm hiểu cơ cấu bệnh lý TMH tại BV tuyến tỉnh Tây Nguyên năm 2007" có tỉ lệ bệnh mũi xoang là 36,92%, (cao nhất trong tổng số bệnh). Các bệnh như viêm mũi họng cấp (Cảm thường), viêm mũi dị ứng và viêm xoang cấp mạn có tỉ lệ cao có thể là do đặc điểm của khí hậu tỉnh Trà Vinh, cùng với sự mất cân bằng về sinh thái, ô nhiễm môi trường sống là những yếu tố thuận lợi gây ảnh hưởng đến hệ mũi xoang.

Về độ tuổi mắc bệnh chúng tôi nhận thấy rằng có sự khác biệt trong 4 nhóm tuổi được chia. Bệnh TMH tập trung nhiều nhất ở nhóm tuổi từ 16-60 tuổi 49.6%. Vì theo thống kê thì nhóm tuổi này có số lượng người dân đông nhất. Mặt khác lứa tuổi này nằm trong độ tuổi lao động, chính vì thế họ thường xuyên phải lao động nặng và cũng thường xuyên phải tiếp xúc với môi trường có nhiều nguy cơ hơn.

Về thành phần dân tộc: Qua bảng 3.5 có thể thấy tỉ lệ số BN TMH tập trung nhiều nhất ở DT Khơme và DT khác là ít nhất. Sự khác biệt này có thể là do phong tục tập quán, vệ sinh môi trường kém, điều kiện làm việc còn chưa đảm bảo dẫn đến việc chưa có điều kiện quan tâm chăm sóc cho sức khỏe của đồng bào.

Về nghề nghiệp chúng tôi nhận thấy rằng bệnh TMH có tỉ lệ số BN nhiều nhất ở nghề làm nông chiếm 36.1%. Nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của tác giả Phùng Minh Lương "Tìm hiểu cơ cấu bệnh lý TMH ở BV tuyến tỉnh Tây nguyên năm 2007" có tỉ lệ bệnh ở nghề nông cao nhất (49.6%). Có thể giải thích rằng nghề làm nông họ thường xuyên phải làm những công việc nặng nhọc và cũng thường xuyên phải tiếp xúc với điều kiện khí hậu khắc nghiệt, môi trường ô nhiễm.

V. KẾT LUẬN

5.1. Đặc điểm bệnh TMH

- Tỉ lệ số BN mắc bệnh TMH tập trung nhiều ở lứa tuổi 16-60 tuổi 49.6%.
- Tỉ lệ số BN mắc bệnh TMH ở DT Khơme chiếm 63.8%.
- Nghề làm nông là nghề có tỉ lệ số BN cao nhất chiếm 36.1%.

5.2. Tỷ lệ bệnh TMH tại Bệnh viện:

- Nhóm bệnh về Mũi xoang: 46.7%, trong đó bệnh viêm mũi họng cấp (cảm thường) có tỉ lệ số BN cao nhất 19.6%, kế đến là bệnh viêm xoang mạn 7.0%
- Nhóm bệnh về Họng thanh quản: 40.0%, trong đó bệnh viêm họng cấp có tỉ lệ số BN cao nhất 14.4%.
- Nhóm bệnh Tai: 9.0%, trong đó bệnh viêm tai giữa không nung mủ có tỉ lệ số BN cao nhất 2.9%.
- Nhóm bệnh khác của TMH: 6.9%.
- Nhóm bệnh về chấn thương TMH: 1.6%.

VI. KIẾN NGHỊ

- Ngành Y Tế tỉnh Trà Vinh nói chung và chuyên ngành TMH nói riêng kết hợp cùng các ban ngành đoàn thể trên địa bàn cần có kế hoạch về vệ sinh môi trường, truyền thông GDSK, tập huấn cho nhân viên Y tế cơ sở và Y tế

phường, xã về bệnh TMH. Đầu tư hơn nữa về trang thiết bị, thuốc men và con người... Nhằm dự phòng, điều trị tốt hơn bệnh TMH cho đồng bào.

- Tiếp tục có những nghiên cứu sâu rộng hơn tìm ra các yếu tố liên quan, nhằm tìm ra nguyên nhân của các sự khác biệt nói trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Văn Đức (1980)**. Những bệnh thông thường về họng. NXB Y Học Hà Nội.
2. **Phạm Thế Hiến, Nguyễn Hữu Khôi, Huỳnh Khắc Cường** "Nghiên cứu mô hình một số bệnh TMH ở

người lớn và các yếu tố dịch tễ liên quan tại tỉnh Cà Mau". Y Học TP HCM, Tập 8 phụ bản số 1/2004.

3. **Phùng Minh Lương** "Tìm hiểu cơ cấu bệnh lý TMH tại Bệnh Viện tuyến tỉnh ở Tây Nguyên 2007". Y Học thực hành, số 1/2009 (641+642).
4. **Nguyễn Đình Tạo "Điều kiện tự nhiên"**. http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/home/about/Pages/dieu_kien_tu_nhien
5. **Võ Tân (1991)**. Tai Mũi Họng thực hành tập I,II,III. NXB Y Học.
6. **Nguyễn Bá Thiện** "Mô hình bệnh TMH từ 1998-2001 tại BVĐK Khánh Hòa ".http://www.ykhoanet.com/MO_HINH_TMHI.htm.